

Số: 501 /QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi  
trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2018-2021**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Thông tư số 03/2017/BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội "Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng".

Căn cứ Công văn số 106/TCDN-DNCQ ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tổng cục dạy nghề - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Trường khoa Khoa Nông nghiệp Trường Đại học Phú Yên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

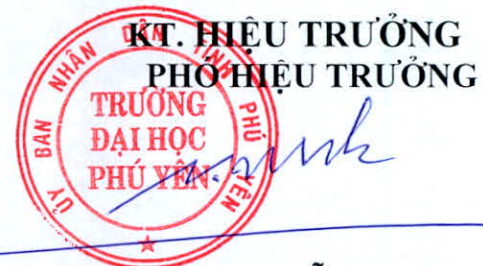
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành *Chăn nuôi* (Mã số : 6620105) trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khoá đào tạo 2018-2021.

**Điều 2.** Căn cứ chương trình đào tạo, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *chương trình chi tiết các môn học, mô đun* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình đào tạo được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trường phòng Đào tạo, Trường khoa Khoa Nông nghiệp, các phòng, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



**TS. Nguyễn Định**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 501/QĐ-ĐHPY ngày 11 tháng 9 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

**Tên ngành: CHĂN NUÔI (Animal Husbandry)**

**Mã ngành: 6620105**

**Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG**

**Hình thức đào tạo: HỆ CHÍNH QUY**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương**

**Thời gian đào tạo: 2,5 năm**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật trình độ Cao đẳng chuyên ngành Chăn nuôi có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, áp dụng được kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vào các lĩnh vực chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh cho gia súc gia cầm; tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện được quy trình kỹ thuật chăn nuôi và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi, thú y ở địa phương; có ý chí tự lập và năng lực tư duy năng động, sáng tạo; có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong sinh hoạt văn minh; Có khả năng ứng dụng nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất, tự tạo việc làm và tiếp tục học liên thông lên đại học để thích nghi với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Áp dụng được kiến thức khoa học tự nhiên và công nghệ vào trình bày và giải thích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi.

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành như Giải phẫu – Sinh lý gia súc; Chọn lọc và nhân giống vật nuôi; Dinh dưỡng và thức ăn; Vi sinh vật chăn nuôi, Miễn dịch học; Công nghệ phối; Dược lý thú y và phương pháp thí nghiệm vào thực tiễn.

- Vận dụng các kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y như Kỹ thuật chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm, dê, thỏ; Chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho các đối tượng vật nuôi; Sản xuất và trồng cây thức ăn chăn nuôi; Kiểm dịch động vật; Khuyến nông; Tổ chức quản lý ngành chăn nuôi

##### 1.2.2. Về kỹ năng

- Lập và triển khai được kế hoạch sản xuất, kinh doanh chăn nuôi của đơn vị.

- Đánh giá chuẩn xác phẩm giống vật nuôi để chọn lọc và nhân giống theo yêu cầu thực tế sản xuất



- Thực hiện thành thạo quy trình chế biến thức ăn, phối hợp khẩu phần ăn và chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng vật nuôi.

- Phối hợp triển khai công tác phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi

- Tổ chức, triển khai, điều hành các hoạt động khuyến nông, tập huấn về chăn nuôi có hiệu quả.

- Giao tiếp tốt với cộng đồng nơi làm việc và xã hội. Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm có hiệu quả.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Làm việc có kỷ luật, tác phong công nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

- Tự giác, tích cực học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Ứng xử tinh tế, khách quan các vấn đề liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp.

### 1.3. Vị trí việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp

- Làm việc tại các đơn vị nhà nước, tư nhân và các thành phần kinh tế khác có liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi – thú y.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 38.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 104 tín chỉ.

- Khối lượng các môn chung/đại cương: 500 giờ.

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1730.

- Khối lượng lý thuyết: 843 giờ;

- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1300.

- Kiểm tra: 87 giờ.

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tổng	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập	Kiểm tra
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	27	500	161	319	20
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	77	1730	682	981	67
2.1	Kiến thức cơ sở	27	515	276	212	27
2.2	Kiến thức ngành	32	645	294	319	32
2.3	Môn học tự chọn	4	60	56	0	4
2.4	Môn học bổ trợ	4	60	56	0	4
2.5	Thực tập chuyên ngành	4	180	0	180	0
2.6	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>104</b>	<b>2230</b>	<b>843</b>	<b>1300</b>	<b>87</b>



### 3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung/đại cương</b>	<b>27</b>	<b>500</b>	<b>161</b>	<b>319</b>	<b>20</b>
LC210153	Chính trị 1	3	45	30	12	3
LC220173	Chính trị 2	3	45	30	12	3
LC230142	Pháp luật	2	30	18	10	2
NG216163	Tiếng Anh 1	3	45	30	12	3
NG216213	Tiếng Anh 2	3	45	30	12	3
KC200063	Tin học đại cương	3	65	23	40	2
TC260018	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8	165	0	165	0
TC250021	Giáo dục thể chất 1	1	30	0	28	2
Tự chọn ½ tín chỉ		1	30	0	28	2
TC252071	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	1	30	0	28	2
TC252061	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)	1	30	0	28	2
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>77</b>	<b>1730</b>	<b>682</b>	<b>981</b>	<b>67</b>
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>27</b>	<b>515</b>	<b>276</b>	<b>212</b>	<b>27</b>
TN241013	Sinh học đại cương	3	60	28	29	3
NN240112	Sinh thái thủy sinh vật	2	30	28	0	2
NN250282	Trồng trọt đại cương	2	30	28	0	2
NN230292	Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi	2	30	28	0	2
NN230013	Giải phẫu gia súc	3	65	24	38	3
NN230023	Sinh lý gia súc	3	60	28	29	3
NN230212	Vi sinh vật chăn nuôi	2	45	14	29	2
NN220052	Bệnh học đại cương	2	30	28	0	2
NN230042	Dinh dưỡng động vật	2	30	28	0	2
NN220103	Dược lý thú y	3	60	28	29	3
NN230113	Phương pháp thí nghiệm trong Chăn nuôi	3	75	14	58	3
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên môn nghề</b>	<b>32</b>	<b>645</b>	<b>294</b>	<b>319</b>	<b>32</b>
NN230383	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc	3	60	28	29	3

NN230053	Vệ sinh chăn nuôi	3	60	28	29	3
NN220314	Bệnh lý thú y và miễn dịch học	4	90	28	58	4
NN230293	Thức ăn chăn nuôi	3	60	28	29	3
NN230123	Chăn nuôi lợn	3	60	28	29	3
NN230133	Chăn nuôi trâu bò	3	60	28	29	3
NN230143	Chăn nuôi gia cầm	3	60	28	29	3
NN230223	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	3	60	28	29	3
NN230242	Quản lý trang trại trong chăn nuôi	2	30	28	0	2
NN240203	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	3	60	28	29	3
NN230392	Kỹ thuật chăm sóc thú cưng	2	45	14	29	2
<b>II.3</b>	<b>Học phần tự chọn (4/8)</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
NN220022	Luật thú y	2	30	28	0	2
NN230162	Chăn nuôi dê, thỏ	2	30	28	0	2
NN230172	Chăn nuôi động vật hoang dã	2	30	28	0	2
NN240072	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28	0	2
<b>II.4</b>	<b>Học phần bổ trợ</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
NN250282	Thiết kế mô hình VACR	2	30	28	0	2
NN250242	GAP	2	30	28	0	2
<b>II.5</b>	<b>Thực tập chuyên ngành</b>	<b>4</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	
NN220542	Thực tập chuyên ngành thú y (2 tuần)	2	90	0	90	
NN230482	Thực tập chuyên ngành chăn nuôi (2 tuần)	2	90	0	90	
<b>II.6</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>					
<b>DT200016</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp (9 tuần)</b>	<b>6</b>	<b>270</b>	<b>0</b>	<b>270</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>104</b>	<b>2230</b>	<b>843</b>	<b>1300</b>	<b>87</b>



#### 4. Kế hoạch đào tạo

##### 4.1. Học kỳ I: 19 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra	
1	LC210153	Chính trị 1	3	45	30	12	3	
2	NG216163	Tiếng Anh 1	3	45	30	12	3	
3	KC200063	Tin học đại cương	3	65	23	40	2	
4	TN241013	Sinh học đại cương	3	60	28	29	3	
5	NN220052	Bệnh học đại cương	2	30	28	0	2	
6	TC250021	Giáo dục thể chất 1	1	30	0	28	2	
7	NN230212	Vi sinh vật chăn nuôi	2	45	14	29	2	
8	NN230042	Dinh dưỡng động vật	2	30	28	0	2	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>350</b>	<b>181</b>	<b>150</b>	<b>19</b>	

##### 4.2. Học kỳ II: 22 TC (bắt buộc: 21 TC, tự chọn: 1 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra	
1	LC220173	Chính trị 2	3	45	30	12	3	
2	NG216213	Tiếng Anh 2	3	45	30	12	3	
3	LC230142	Pháp luật	2	30	18	10	2	
4	NN230292	Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi	2	30	28	0	2	
5	NN230013	Giải phẫu gia súc	3	65	24	38	3	
6	NN230023	Sinh lý gia súc	3	60	28	29	3	
7	NN220103	Dược lý thú y	3	60	28	29	3	
8	NN240112	Sinh thái thủy sinh vật	2	30	28	0	2	
	<b>Tự chọn</b>	<b>½ TC</b>	<b>1</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>2</b>	
9	TC252071	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	1	30	0	28	2	
10	TC252061	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)	1	30	0	28	2	
<b>Tổng cộng</b>			<b>22</b>	<b>395</b>	<b>214</b>	<b>158</b>	<b>23</b>	

#### 4.3. Học kỳ III: 21 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/Thí nghiệm/bài tập	Kiểm tra	
1	NN230383	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc	3	60	28	29	3	
2	NN230113	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi	3	75	14	58	3	
3	NN220314	Bệnh lý thú y và miễn dịch học	4	90	28	58	4	
4	NN230053	Vệ sinh chăn nuôi	3	60	28	29	3	
5	NN230293	Thức ăn chăn nuôi	3	60	28	29	3	
6	NN230392	Kỹ thuật chăm sóc thú cưng	2	45	14	29	2	
7	NN230123	Chăn nuôi lợn	3	60	28	29	3	
<b>Tổng cộng</b>			<b>21</b>	<b>450</b>	<b>168</b>	<b>261</b>	<b>21</b>	

#### 4.4. Học kỳ IV: 23 TC (Bắt buộc: 19 TC; Tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/Thí nghiệm/bài tập	Kiểm tra	
<b>- Bắt buộc:</b>			<b>19</b>	<b>405</b>	<b>112</b>	<b>284</b>	<b>9</b>	
1	NN230242	Quản lý trang trại trong chăn nuôi	2	30	28	0	2	
2	NN250282	Trồng trọt đại cương	2	30	28	0	2	
3	NN230133	Chăn nuôi trâu bò	3	60	28	29	3	
4	NN250282	Thiết kế mô hình VACR	2	30	28	0	2	
5	TC260018	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8	165	0	165	0	
6	NN220542	Thực tập chuyên ngành thú y	2	90	0	90	0	2 tuần
<b>- Tự chọn: chọn 4/8 TC</b>			<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
7	NN220022	Luật thú y	2	30	28	0	2	
8	NN230162	Chăn nuôi dê, thỏ	2	30	28	0	2	
9	NN230172	Chăn nuôi động vật hoang dã	2	30	28	0	2	
10	NN240072	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28	0	2	
<b>Tổng cộng</b>			<b>23</b>	<b>465</b>	<b>168</b>	<b>284</b>	<b>13</b>	



#### 4.5. Học kỳ V: 19 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra	
1	NN240203	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	3	60	28	29	3	
2	NN230143	Chăn nuôi gia cầm	3	60	28	29	3	
3	NN230223	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	3	60	28	29	3	
4	NN250242	GAP	2	30	28	0	2	
5	NN230482	Thực tập chuyên ngành chăn nuôi	2	90	0	90	0	2 tuần
6	<b>DT200016</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp (9 tuần)</b>	<b>6</b>	<b>270</b>	<b>0</b>	<b>270</b>	<b>0</b>	<b>9 tuần</b>
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>570</b>	<b>112</b>	<b>447</b>	<b>11</b>	

#### 5. Mô tả tóm tắt nội dung cần đạt được của học phần

##### 5.1. Chính trị 1

**3 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự hình thành và phát triển của Chủ nghĩa Mác - Lênin, những nguyên lý và quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những quy luật cơ bản về sự phát triển xã hội, về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam

##### 5.2. Chính trị 2

**3 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam; nội dung tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đường lối phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh... của Đảng, những thành tựu của Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

##### 5.3. Pháp luật

**2 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Học phần còn đề cập đến các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

##### 5.4. Tiếng Anh 1

**3 TC**

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp, bổ sung kiến thức căn bản về ngôn ngữ Tiếng Anh; Khái quát, hệ thống các khái niệm, cấu trúc, phạm trù ngữ pháp trong Tiếng Anh;



Giới thiệu một số tập quán, phong tục, nét văn hóa trong giao tiếp và lối sống Anh cũng như một số dân tộc khác trên thế giới;

Tiếp tục hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên về nghe, nói, đọc, viết; ở đầu trình độ A2 trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

### **5.5. Tiếng Anh 2**

**3 TC**

Học phần Tiếng Anh 2 tiếp tục cung cấp, bổ sung kiến thức căn bản về ngôn ngữ Tiếng Anh; Khái quát, hệ thống các khái niệm, cấu trúc, phạm trù ngữ pháp trong Tiếng Anh; Giới thiệu một số tập quán, phong tục, nét văn hóa trong giao tiếp và lối sống Anh cũng như một số dân tộc khác trên thế giới;

Tiếp tục hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên về nghe, nói, đọc, viết; ở giữa trình độ A2 trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

### **5.6. Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)**

**1 TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa kiểu uốn thân.

### **5.7. Giáo dục thể chất**

**2 TC**

#### **5.7.1 Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày)**

**1 TC**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; Học phần trang bị cho sinh viên những chiến thuật của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

#### **5.7.2 Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)**

**1 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chày; Học phần trang bị cho sinh viên những chiến thuật của môn bóng chày; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

### **5.8. Tin học đại cương**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.



- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

#### **5.9. Giáo dục quốc phòng – an ninh**

**8TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

#### **5.10. Sinh học đại cương**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho SV kiến thức cơ bản

- Về thực vật: gồm sự thích nghi của thực vật và môi trường sống, các đặc điểm về hình thái, giải phẫu, quá trình sinh trưởng và phát triển của thực vật

- Về động vật: Cấu tạo giải phẫu, đặc điểm thích nghi, tiến hóa qua các ngành các lớp của động vật.

- Về di truyền, tiến hóa: Các quy luật di truyền của người, động vật và thực vật. Các thuyết tiến hóa trong giới sinh vật.

#### **5.11. Sinh thái thủy sinh vật**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về các yếu tố sinh thái chính, mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố sinh thái trong môi trường nước với hoạt động sống của thủy sinh vật. Nắm được quần thể, quần xã và hệ sinh thái ở nước, năng suất sinh học và sự chuyển hóa năng lượng trong vực nước; nhằm giúp người học hiểu rõ bản chất các quá trình, qui luật sinh thái, từ đó quản lý bền vững môi trường nước

#### **5.12. Trồng trọt đại cương**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên một số vấn đề đại cương trong kỹ thuật trồng trọt như: nguồn gốc và phân loại cây trồng, điều kiện ngoại cảnh, kỹ thuật trồng, kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật thu hoạch và bảo quản giống. Đồng thời giới thiệu cụ thể kỹ thuật trồng 1 loại cây phổ biến.

#### **5.13. Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho SV kiến thức về Quy luật di truyền các tính trạng số lượng (Quy luật, các thông số thống kê sử dụng trong nghiên cứu tính trạng số lượng). Quy luật biến dị và đột biến. Giao phối cận thân và ưu thế lai (Cách xác định hệ số đồng huyết, mức độ suy hóa cận huyết của tính trạng, cách tính toán và dự đoán ưu thế lai, duy trì ưu thế lai, một số phương pháp lai cơ bản trong chăn nuôi). Di truyền học quần thể (Định luật Hardy-Weinberg, cách tính tần số gen và kiểu gen của các tính trạng và quần thể).



Sau khi học xong người học hiểu được các vấn đề về vật chất di truyền và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử, các quy luật di truyền, biến dị, các phương pháp tạo và duy trì ưu thế lai để ứng dụng vào chuyên ngành chăn nuôi thú y.

#### **5.14. Giải phẫu gia súc**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho SV kiến thức về vị trí và cấu trúc cơ thể gia súc, cấu trúc vi thể tế bào, mô và giải phẫu các hệ cơ quan trong cơ thể (Thần kinh, tiêu hóa, tuần hoàn, hô hấp, bài tiết, sinh dục, nội tiết, thụ quan); Liên hệ với gia cầm. Thực hành giải phẫu các cơ quan, tổ chức của gia súc.

Sau khi học xong, người học xác định được vị trí, nhận biết được hình dạng và hiểu được cấu tạo của các cơ quan, bộ máy trong cơ thể gia súc bình thường, khỏe mạnh. Sự hiểu biết về các vấn đề trên làm cơ sở cho SV tiếp thu tốt kiến thức về sinh lý, bệnh lý, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi...

#### **5.15. Sinh lý gia súc**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu gia súc

Cung cấp kiến thức cơ bản về các vấn đề: Sinh lý thần kinh (Hung phấn-ức chế, sinh lý cơ-thần kinh, nội tiết và stress), sinh lý máu, tim mạch, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, hấp thu, bài tiết, sinh sản, tiết sữa, trao đổi chất, trao đổi năng lượng, tập tính động vật (tập tính ăn, sinh sản, bảo vệ...).

Sau khi học xong học phần này, SV hiểu và giải thích được các hiện tượng sinh lý trong đời sống cá thể động vật để ứng dụng vào lĩnh vực chăn nuôi thú y.

#### **5.16. Vi sinh vật chăn nuôi**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho SV kiến thức cơ bản về: Cấu tạo của vi sinh vật, phân loại vi sinh vật (Vi khuẩn, nấm men, nấm mốc, tảo, nguyên sinh động vật, virus), sinh lý vi sinh vật (Sự dinh dưỡng, chuyển hóa, phát triển), di truyền vi sinh vật (Sự chuyển thể, chuyển nạp, kháng thuốc). Ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đến hoạt động của vi sinh vật. Sự phân bố vi sinh vật trong tự nhiên, các đường truyền nhiễm. Tác hại và lợi ích của vi sinh vật đối với động thực vật và con người. Vấn đề nhiễm trùng và độc lực của vi sinh vật. Kháng nguyên của vi khuẩn, virus. Sự đề kháng của cơ thể chống lại các VSV gây bệnh.

Sau khi học xong học phần này, SV có thể nhận biết được một số loại vi sinh vật chủ yếu qua tiêu bản phòng thí nghiệm, qua xét nghiệm bệnh phẩm. Hiểu được hoạt động gây hại cho người và vật nuôi của vi sinh vật để có biện pháp phòng, trị bệnh thích hợp.

#### **5.17. Bệnh học đại cương**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật chăn nuôi

Trang bị cho SV kiến thức về Quy luật chung của bệnh, bệnh nguyên, bệnh lý các cơ quan, cơ chế sinh bệnh và các rối loạn cơ thể do bệnh lý.

Học xong học phần này, người học có thể vận dụng vào học tập các học phần chuyên ngành để giải thích được cơ chế sinh bệnh và xác định được bệnh tích ở các cơ quan (dạ dày, ruột, tim, phổi, gan, thận, tử cung...) của một số bệnh gia súc.



### **5.18. Dinh dưỡng động vật**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý gia súc

Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết về khái niệm các thành phần hoá học cơ bản, dinh dưỡng nước, protein, vitamin, khoáng, hydrat cacbon và các chất dinh dưỡng cần thiết cho đời sống vật nuôi.

Các phương pháp đánh giá giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn (phân tích thức ăn, thử mức tiêu hoá, cân bằng N và C); cân bằng năng lượng và một số phương pháp xác định, ước tính giá trị năng lượng của các loại thức ăn

Sau khi học xong, người học hiểu được cách xác định giá trị dinh dưỡng thức ăn

### **5.19. Dược lý thú y**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Bệnh học đại cương.

Trang bị các kiến thức : Khái niệm về thuốc, sự vận chuyển và hấp thu thuốc trong cơ thể, tác dụng của thuốc, các đường đưa thuốc vào cơ thể, liều lượng và đơn thuốc, sự biến đổi và thải trừ thuốc trong cơ thể.

Sự tác động của thuốc lên hệ thần kinh; hệ tuần hoàn, tiết niệu và chuyển hóa tổ chức; thuốc chữa tiêu chảy, thuốc tẩy.

Sau khi học xong, người học biết cách sử dụng các dụng cụ thú y thông dụng; biết cách lựa chọn và sử dụng các loại thuốc Kháng sinh, Sulfamid, Thuốc sát trùng, thuốc trị ký sinh trùng và nấm, thuốc tác động hệ thần kinh, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục thường dùng trong lĩnh vực chăn nuôi thú y.

### **5.20. Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho SV: Phương pháp kiểm định các giả thuyết xác suất và phương pháp so sánh giữa các đám đông, phương pháp phân tích phương sai Anova. Tương quan và hồi qui giữa các tính trạng, xử lý thống kê sinh vật học. Các bước trong nghiên cứu khoa học vật nuôi, phương pháp thí nghiệm chăn nuôi (chia lô, chia thời kỳ, kết hợp, điều tra), các nguyên tắc bố trí thí nghiệm và bố trí các nhân tố thí nghiệm (theo khối ngẫu nhiên hoàn toàn CRD, ngẫu nhiên không hoàn toàn, ô vuông latin). Giúp SV biết cách thức trình bày một đề cương, báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên đề, đề tài.

Sau khi học xong, người học có thể thực hiện được một thí nghiệm (tổ chức, theo dõi, thực hiện), xử lý số liệu, phân tích được kết quả và viết được báo cáo thí nghiệm; có khả năng tham gia thực nghiệm theo nhóm có hiệu quả.

### **5.21. Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý gia súc

SV được cung cấp kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm các giống vật nuôi. Phương pháp đánh giá các tính trạng sản xuất của vật nuôi. Sự sinh trưởng, phát dục, các tham số di truyền ứng dụng trong công tác giống vật nuôi. Các tính trạng chọn lọc. Các phương pháp chọn lọc. Các phương pháp phối giống và nhân giống (nhân giống thuần, nhân giống lai).



Sau khi học xong, người học biết cách đánh giá, chọn lọc, phối hợp các giống trong lai tạo để có được con giống tốt phù hợp với từng điều kiện chăn nuôi cụ thể và có khả năng thụ tinh nhân tạo cho gia súc.

### **5.22. Vệ sinh chăn nuôi**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh vật chăn nuôi.

Học phần này giúp SV nắm vững cơ sở khoa học và thực hành thành thạo các biện pháp: Vệ sinh môi trường không khí và nguồn nước chăn nuôi, vệ sinh môi trường đất và chuồng trại chăn nuôi, vệ sinh thức ăn, thân thể vật nuôi, vệ sinh đối với từng loại gia súc và vệ sinh phòng dịch bệnh, giúp vật nuôi sinh trưởng phát triển tốt và tạo sản phẩm năng suất chất lượng cao.

Sau khi học xong, người học áp dụng được các biện pháp vệ sinh môi trường chăn nuôi để đảm bảo sức khỏe cho vật nuôi và con người.

### **5.23. Bệnh lý thú y và miễn dịch học**

**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này trang bị cho SV những kiến thức căn bản về nguyên tắc phòng trị và chẩn đoán một số bệnh nội, ngoại, sản khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp ở gia súc, gia cầm

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng không chế được gia súc trong khám và điều trị bệnh; sử dụng đúng các dụng cụ khám và thành thạo các thao tác khám bệnh; phòng và trị được các bệnh nội khoa thường xảy ra ở vật nuôi.

### **5.24. Thức ăn chăn nuôi**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng động vật

Các hệ thống đánh giá trị dinh dưỡng của thức ăn. Các phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng thức ăn. Các loại thức ăn chăn nuôi, độc tố thức ăn.

- Biết cách chọn và phối hợp các nguyên liệu làm thức ăn cho vật nuôi; lập được khẩu phần ăn cho vật nuôi; chế biến và bảo quản được một số thực liệu; phòng và xử lý được các bệnh về dinh dưỡng trên vật nuôi.

### **5.25. Chăn nuôi lợn**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng động vật và Thức ăn chăn nuôi.

Học phần trang bị cho SV những kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm một số giống lợn phổ biến. Công tác giống lợn (Chọn lọc, nhân giống, giám định và quản lý giống). Nhu cầu dinh dưỡng và các loại thức ăn cho lợn. Quy hoạch và thiết kế chuồng trại chăn nuôi lợn. Kỹ thuật chăn nuôi lợn đực giống, lợn cái sinh sản (hậu bị, mang thai, đẻ, nuôi con, chờ phối), lợn con và lợn thịt. Phương pháp tổ chức sản xuất chăn nuôi lợn và quản lý đàn lợn. Thực hành chọn giống, phối chế thức ăn và các quy trình chăn nuôi lợn.

Sau khi học xong, người học nhận biết được các giống lợn; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho đàn lợn theo quy mô gia đình và trang trại.



### **5.26. Chăn nuôi trâu bò**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng động vật, Thức ăn chăn nuôi.

Trang bị cho SV những kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm các giống trâu, bò phổ biến. Công tác giống trâu bò (Chọn lọc, nhân giống, giám định và quản lý giống). Đặc điểm tiêu hóa và dinh dưỡng của gia súc nhai lại (Bộ máy tiêu hóa, môi trường dạ cỏ và khu hệ vi sinh vật, tiêu hóa và trao đổi chất trong dạ cỏ, những vấn đề về dinh dưỡng của loài nhai lại). Kỹ thuật chăn nuôi trâu bò đực giống, cái sinh sản (hậu bị, mang thai, đẻ, nuôi con) và bê nghé. Kỹ thuật chăn nuôi trâu bò cho sữa, cho thịt và cày kéo. Phương pháp tổ chức sản xuất chăn nuôi trâu bò và quản lý đàn trâu bò.

Sau khi học xong, người học nhận biết được các giống trâu, bò; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho đàn trâu bò theo quy mô gia đình và trang trại.

### **5.27. Chăn nuôi gia cầm**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng động vật, Thức ăn chăn nuôi.

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc và đặc điểm các giống gia cầm phổ biến. Công tác giống gia cầm (Chọn lọc, chọn phối, nhân giống, quản lý giống). Đặc điểm sinh học và giải phẫu sinh lý của gia cầm. Trứng và kỹ thuật ấp trứng. Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho gia cầm. Kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, cút, đà điểu). Tổ chức và quản lý chăn nuôi gia cầm.

Sau khi học xong, người học nhận biết được các giống gà, vịt; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho đàn gia cầm theo quy mô gia đình và trang trại.

### **5.28. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Trang bị cho SV những kiến thức về: Tầm quan trọng của công tác bảo quản chế biến sau thu hoạch và mối quan hệ giữa môi trường và các sản phẩm chăn nuôi. Các hiện tượng sinh học xảy ra trong quá trình bảo quản nông sản nói chung và các sản phẩm chăn nuôi nói riêng. Ảnh hưởng của chúng đến chất lượng sản phẩm sau thu hoạch. Đặc điểm, hoạt động gây hại và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sống của vi sinh vật trong các sản phẩm chăn nuôi sau thu hoạch. Các phương pháp, công nghệ bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi hiện nay đang được áp dụng và ứng dụng sau thu hoạch

### **5.29. Quản lý trang trại trong chăn nuôi**

**2TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về trang trại và giới thiệu về hình phát triển trang trại ở các nước trên thế giới và ở Việt Nam. Xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại với quy mô nhỏ. Biết cách quản lý các nguồn lực đất đai, lao động, tài chính và vật tư, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của trang trại

Sau khi học xong, người học Hiểu được các khái niệm trang trại, vận hành và quản lý trang trại. Xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại quy mô nhỏ.



### **5.35. Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt**

**3TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh vật học và các quy trình kỹ thuật sản xuất giống, nuôi thương phẩm một số cá nước ngọt có giá trị kinh tế, xuất khẩu.

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có khả năng hiểu được một số đặc tính khi chọn đối tượng nuôi, thực hiện được các bước trong sản xuất giống cá, tìm theo quy trình công nghệ nuôi đặc sản ở ao, lồng bè, ruộng ...

### **5.30. Kỹ thuật chăm sóc thú cưng**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Các nội dung đó bao gồm đặc điểm sinh học; Nuôi dưỡng và chăm sóc thú cưng, đặc biệt là chăm sóc về ngoại hình của các thú cưng; Huấn luyện thú cưng theo nếp sinh hoạt của chủ nuôi : nguyên tắc huấn luyện, điều kiện môi trường nơi huấn luyện từ huấn luyện viên đến các dụng cụ trong lúc luyện tập, đến thể chất của thú cưng được huấn luyện, thời gian, phương pháp và nội dung cơ bản trong huấn luyện.

### **5.31. Luật Thú Y**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho học viên những kiến thức và hệ thống pháp luật của chuyên ngành Chăn nuôi, Thú y: Những nguyên tắc trong việc phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho vật nuôi. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Kiểm soát giết mổ; Kiểm tra vệ sinh thú y. Quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y.

Những nguyên tắc trong việc quản lý giống và vật nuôi. Quản lý thức ăn chăn nuôi, quản lý về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm chăn nuôi, thú y.

### **5.32. Chăn nuôi dê, thỏ**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi.

Trang bị cho SV những kiến thức về: Nguồn gốc và đặc điểm các giống dê, thỏ phổ biến. Công tác giống (Chọn lọc, nhân giống và quản lý). Tập tính và đặc điểm tiêu hóa của dê, thỏ (Bộ máy tiêu hóa, môi trường dạ cỏ và khu hệ vi sinh vật, tiêu hóa và trao đổi chất trong dạ cỏ). Dinh dưỡng và thức ăn cho dê, thỏ. Chuồng trại nuôi dê, thỏ. Kỹ thuật chăn nuôi dê, thỏ sinh sản và cho thịt. Phương pháp tổ chức sản xuất và quản lý trong chăn nuôi dê, thỏ.

Sau khi học xong, người học nhận biết được các giống dê, thỏ; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho đàn dê, thỏ theo quy mô gia đình và trang trại.

### **5.33. Chăn nuôi động vật hoang dã**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi.

Trang bị cho SV kiến thức cơ bản về thuần dưỡng, chăm sóc, quản lý, cải tạo một số động vật hoang dã như lợn rừng, nhím, nai,...



Sau khi học xong, người học nhận biết được một số giống động vật hoang dã; thành thạo các khâu trong quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý và phòng bệnh cho chúng theo quy mô gia đình và trang trại.

### **5.34. Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về đánh giá chất lượng nước và quản lý môi trường ao nuôi thủy sản, sự biến động của các yếu tố môi trường NTTS

Sau khi học xong, sinh viên có khả năng quan sát, đánh giá môi trường nuôi thủy sản. Ngoài ra, sinh viên nắm vững các kỹ năng phân tích và giải thích kết quả phân tích, theo dõi các chỉ tiêu chất lượng môi trường, có khả năng đưa ra những biện pháp quản lý thích hợp

### **5.35. Thiết kế mô hình VACR**

**2TC**

Mô hình VACR, một mô hình kinh tế kết hợp ở nông thôn được phát triển nhiều ở các vùng nông thôn miền núi phía Bắc. Sự phát triển của mô hình đã giúp cải thiện cuộc sống của người nông dân, sự đa dạng trong chăn nuôi, trồng giúp tận dụng được nguồn đất, nước ở các vùng nông thôn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Môn học giúp sinh viên hiểu được đặc điểm các hệ sinh thái ở các vùng miền khác nhau, hiểu được ý nghĩa và vai trò to lớn của mô hình mang lại cho các vùng miền nông thôn, hiểu được cách thiết kế một mô hình VACR phù hợp cho từng vùng sinh thái tại Việt Nam.

### **5.36. GAP**

**2TC**

Kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm, gia súc tiên tiến chủ yếu trong sản xuất thực phẩm thịt và trứng theo các hệ thống chăn nuôi khác nhau từ hộ chăn nuôi nhỏ đến chăn nuôi tập trung thâm canh. Sinh viên cũng cần hiểu rõ chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học và phòng bệnh gia cầm hiện nay là để sản xuất thực phẩm an toàn và chăn nuôi bền vững kết hợp với việc bảo vệ môi trường sống của cộng đồng.

Nghiên cứu về tình hình chăn gia súc nhai lại trong thời gian qua và những định hướng phát triển chăn nuôi trong thời gian tới. Là môn khoa học về chăn nuôi nghiên cứu những kiến thức về cách chọn giống và những loại thức ăn hiện nay được sử dụng trong chăn nuôi. Phương pháp thiết kế, xây dựng chuồng trại, kỹ thuật trong chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý trong chăn nuôi. Hiểu biết những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi, những quy định về sản xuất sản phẩm chăn nuôi sạch, và các quy trình sản xuất sạch đang được áp dụng...để chăn nuôi đạt năng suất cao, mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

### **5.37. Thực tập chuyên ngành thú y**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Dược lý thú y và miễn dịch học

Giúp sinh viên học hỏi, tích lũy kinh nghiệm thực tế tại các đại lý, cửa hàng, công ty kinh doanh thuốc thú y về: cách tổ chức, sắp xếp, quản lý, mua bán thuốc, vaccine và công tác tiếp thị thuốc. Thực hành sử dụng các loại dụng cụ thú y thông dụng và các loại thuốc và vaccine phòng trị bệnh cho vật nuôi ở một số cơ sở chăn nuôi trong tỉnh. Tổ



chức, thực hiện các đợt tiêm phòng; tham gia các công tác điều trị bệnh cho gia súc gia cầm cùng với thú y viên tại cơ sở.

### **5.38. Thực tập chuyên ngành chăn nuôi**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Chăn nuôi lợn, bò, dê, thỏ, gia cầm

Tổ chức cho sinh viên thâm nhập thực tế sản xuất chăn nuôi ở địa phương để tìm hiểu về giống, thức ăn, phương thức chăn nuôi và tình hình phòng chống bệnh cho vật nuôi. Thực hành các qui trình chăn nuôi lợn, bò, gà, vịt, cút tại một số cơ sở chăn nuôi ở địa phương.

### **5.39. Thực tập tốt nghiệp**

**6TC**

Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần bắt buộc và tự chọn

- Thực hiện một đề tài về dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; về công dụng, tác dụng của thuốc điều trị bệnh cho vật nuôi; các phương pháp phòng trị bệnh gia súc, gia cầm...; Đồng thời tham gia các hoạt động phục vụ chăn nuôi, thú y ở địa phương.

- Chuyên đề do sinh viên tự chọn theo hướng dẫn của giáo viên, được thực hiện tại các cơ sở kinh doanh thuốc thú y, cơ sở chăn nuôi, cơ quan thú y hoặc tại địa phương của người học.

- Sau khi thực tập xong người học phải có một báo cáo thực tập tốt nghiệp tổng kết các kết quả đã làm được và các kiến nghị, đề xuất cho phát triển ngành chăn nuôi thú y địa phương



## 6. Danh sách giảng viên thực hiện chương trình

### 6.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu:

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1.	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chính trị 1
2.	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Chính trị 1
3.	Võ Thị Tem, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam 2011	Kinh tế chính trị	Chính trị 1
4.	Trần Văn Tàu, 1975, Trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Chính trị 2
5.	Nguyễn Phị Phượng, 1975, Trưởng Khoa Khoa Lý luận chính trị	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật Pháp luật kinh tế
6.	Nguyễn Văn Hoàng, 1967, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2003	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1 Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)
7.	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)
8.	Phan Thị Tuyết Trân, 1977, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1999	Anh văn	Tiếng Anh 1
9.	Huỳnh Thị Xuân Hòa, 1975, Viên chức Phòng Đào tạo	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2000	Anh văn	Tiếng Anh 2
10.	Huỳnh Minh Giảng, 1969, Phó trưởng phòng Khảo thí-ĐBCL	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Khoa học Máy tính	Tin học đại cương



11.	Trường Quân sự Tỉnh				Giáo dục QP-AN
12.	Nguyễn Thị Phi Loan, 1969, Trưởng khoa Nông nghiệp	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 1999	Sinh học	Sinh học đại cương; Sinh lý gia súc
13.	Lê Thị Ngọc Tâm, 1986, Cán bộ TTUDNNSH	GV	Ths, Việt Nam, 2017	Thú y	Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi trâu bò
14.	Võ Thị Thu Em, 1983, Giảng viên	GV	TS, Hàn Quốc, 2017	Khoa học thủy sản	Sinh thái thủy sinh; Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi
15.	Trần Thị Thanh Nga, 1981, TBM Chăn nuôi Thú y – Thủy sản	GV	Ths, Việt Nam 2009	Nuôi trồng thủy sản	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt; Quản lý chất lượng nước trong NTTS
16.	Lương Thị Ánh Tuyết, 1984, Phó Trưởng khoa Nông nghiệp	GV	TS, Úc, 2016	Côn trùng học	Thiết kế mô hình VACR; Trồng trọt đại cương

### 6.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Đình Văn Dũng, 1983, Giảng viên ĐHSP Huế	GV	TS, Trung Quốc, 2014	Chăn nuôi	Chăn nuôi dê thỏ; Chăn nuôi gia cầm
2	Trần Quốc Dung, 1964, Phó Trưởng Khoa; Trưởng Bộ môn Di truyền học, ĐHSP Huế	GV	TS, Đức, 2001	Di truyền học	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc; Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi
3	Võ Văn Toàn, 1961, Bộ môn Khoa học vật nuôi, Khoa Sinh-KTNN, ĐH Quy Nhơn	GV	TS, Việt Nam, 1995	Sinh học	Vi sinh vật chăn nuôi; Bệnh học đại cương
4	Phạm Thành, 1984	GV	TS, Việt Nam, 2015	Nông nghiệp	Quản lý trang trại trong chăn nuôi; Vệ sinh chăn nuôi
5	Nguyễn Thị Hoa Lý, Đại học Huế	GV	TS, Việt Nam, 2005	Chăn nuôi động vật	Kỹ thuật chăm sóc thú cưng; Chăn nuôi động vật hoang dã



6	Bùi Văn Lợi, 1982	GV	TS, Việt Nam, 2014	Chăn nuôi	Kiểm tra súc sản; Giải phẫu gia súc
7	Phùng Thăng Long, 1962, TP. Sau đại học- Đại học Huế	GVC, 2003	TS, Nhật Bản, 2006	Chăn nuôi	Dinh dưỡng động vật; Thức ăn chăn nuôi
8	Hồ Lê Quỳnh Châu, 1981	GV	TS, Việt Nam, 2015	Chăn nuôi	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi; GAP
9	Nguyễn Văn Hòa, 1982	GV	TS, Hà Lan, 2010	Thú y	Dược thú y; Luật thú y
10	Nguyễn Văn Bà, 1961	GVC, 2003	GS.TS, Việt Nam, 2010	Chăn nuôi	Bệnh lý thú y; Miễn dịch học
11	Nguyễn Thị Hồng Sen, 1993	GVHD thực hành	Cử nhân, Việt Nam, 2016	Dược Thú Y	Thực hành chuyên ngành Thú Y; Thực tập chuyên ngành chăn nuôi

## 7. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 7.1. Các phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1.	Phòng thực hành	100	Kính hiển vi	3	Vi sinh vật chăn nuôi
2.			Tủ lạnh	1	Vi sinh vật chăn nuôi
3.			Panh cái loại	15	Kiểm tra súc sản; Giải phẫu gia súc; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi trâu bò
4.			Kéo các loại	10	Kiểm tra súc sản; Giải phẫu gia súc; Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi trâu bò
5.			Xi lanh sát 20ml	10	Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi gia cầm; Chăn nuôi trâu



				bò; Chăn nuôi dê thỏ; Chăn nuôi động vật hoang dã; Kỹ thuật chăm sóc thú cưng
6.		Bộ tiêu phẫu	01	Giải phẫu gia súc
7.		Bộ đại phẫu	01	Giải phẫu gia súc
8.		Nhiệt kế	15	Chăn nuôi dê thỏ; Chăn nuôi động vật hoang dã; Kỹ thuật chăm sóc thú cưng, Bệnh lý thú y
9.		Súng bắn tinh bò	10	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc
10.		Kìm bấm thẻ tai bò	02	Kiểm tra súc sản
11.		Kìm thiên bò dạng bấm	02	Kiểm tra súc sản; Giải phẫu gia súc
12.		Kìm bấm răng nanh heo	02	Chăn nuôi lợn
13.		Dụng cụ bắt heo	01	Chăn nuôi lợn
14.		Bồn thụt rửa tử cung	06	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc
15.		Ông nghe	05	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc
16.		Máy đo huyết áp	02	Chăn nuôi lợn; Chăn nuôi trâu bò
17.		Máy đảo thức ăn	01	Dinh dưỡng động vật; Thức ăn chăn nuôi

### 7.2. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 1236 m<sup>2</sup> trong đó diện tích phòng đọc: 512 m<sup>2</sup>

- Số chỗ ngồi: 200; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 46

- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 5.5

- Thư viện điện tử: có; đã kết nối được với một số trường đại học trong nước, nhất là trong liên hiệp các trường đại học phía Nam.

Ngoài nước: kết nối qua giao thức Z39.50. Sắp đến sẽ mua một số tài khoản truy cập vào mạng thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

### 7.3. Danh mục giáo trình chính của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	NXB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình Chính trị	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - xã hội	2016		Chính trị 1
2	Giáo trình Chính trị	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - xã hội	2016		Chính trị 2



3	Giáo trình Pháp luật	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - xã hội	2016		Pháp luật
4	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội	2004		Giáo dục thể chất 1
5	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn	Đại học Sư phạm	2004		Giáo dục thể chất 2
6	Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải – Đào Chí Thành	Đại học Sư phạm	2004		Giáo dục thể chất 2
7	-New English File, Elementary Student's Book, -New English File Elementary, Workbook, Oxford University Press	Clive Oxenden, Christina Lalham - Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press.	2004		Tiếng Anh 1, 2
8	Giáo trình Tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc	Đại học Sư phạm	2004		Tin học đại cương
9	Sinh học đại cương	Phạm Thành Hồ	Giáo dục	2005		Sinh học đại cương
10	Sinh thái thủy sinh vật	Nguyễn Đình Mão, Vũ Trung Tạng	Nông Nghiệp	2016		Sinh thái thủy sinh vật
11	Trồng trọt đại cương	Đặng Văn Minh	Nông Nghiệp	2006		Trồng trọt đại cương
12	Giải phẫu gia súc	PGS.TS Hoàng Quân	ĐHNL Huế	2002	5	Giải phẫu gia súc
13	Di truyền học	Nguyễn Sỹ Mai	Giáo Dục	1998	10	Di truyền ứng dụng trong chăn nuôi
14	Sinh lý gia súc	PGS.TS Đàm Văn Tiệp, Lê Văn Thọ	Nông Nghiệp	1992	5	Sinh lý gia súc
15	Vi sinh vật chăn nuôi	TS. Phạm Hồng Sơn	ĐHNL Huế	2006	5	VSV chăn nuôi
16	Phòng và trị bệnh thường gặp ở gia súc	Nguyễn Văn Thanh	Nông nghiệp	2003		Bệnh học đại cương
17	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Võ Duy Giảng	Đại học Sư phạm	2007		Dinh dưỡng động vật
18	Dược lý thú y	ThS. Huỳnh Kim Diệu	ĐH Cần Thơ	2000	15	Dược lý thú y
19	Thống kê sinh học và phương pháp thí nghiệm	TS. Nguyễn Minh Hoàn	ĐHNL Huế	2005	5	Phương pháp thí nghiệm trong Chăn nuôi
20	Chọn giống và nhân giống gia súc	TS. Nguyễn Hải Quân	ĐH Cần Thơ	2006	15	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc
21	Giáo trình Vệ sinh chăn nuôi	GS. Đỗ Ngọc Hòe	Hà Nội	2010		Vệ sinh chăn nuôi
22	Kỹ thuật tạo nguồn TA cho gia súc	Đào Huyền	Nông nghiệp	2005		Thức ăn chăn nuôi
22	Chăn nuôi trâu bò	TS. Nguyễn Xuân Bả	ĐHNL Huế	2004		Chăn nuôi trâu bò

23	Chăn nuôi gia cầm	PGS.TS Nguyễn Đức Hưng	Nông Nghiệp	2006		Chăn nuôi gia cầm
24	Chăn nuôi lợn	PGS. TS Phùng Thăng Long, Nguyễn Quang Linh	Nông Nghiệp	2005		Chăn nuôi lợn
25	Giáo trình Miễn dịch học Thú y	Nguyễn Bá Hiên	Nông Nghiệp	2010	10	Bệnh lý và Miễn dịch học
26	Kiểm tra chất lượng thực phẩm	Phạm Xuân Vượng	Nông Nghiệp	2004	10	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi
27	Tổ chức quản lý ngành nông nghiệp	Nguyễn Văn Hòa	Nông Nghiệp	2000	5	Quản lý trang trại trong chăn nuôi
28	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Dương Nhật Long	Nông Nghiệp	2015		Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt
29	Kỹ thuật nuôi chó mèo và phòng trị bệnh thường gặp	Tô Du; Xuân Giao	Lao động – Nông nghiệp			Kỹ thuật chăm sóc thú cưng
30	Pháp lệnh thú y	Huỳnh Văn Kháng	Nông Nghiệp	2006	15	Luật thú y
31	Kỹ thuật chăm sóc thỏ	Hoàng T. Xuân Mai	Nông Nghiệp	2005	10	Chăn nuôi dê, thỏ
32	Kỹ thuật chăn nuôi một số động vật quý hiếm	Lê Thị Biên	Lao động – Xã hội	2006		Chăn nuôi động vật hoang dã
33	Quản lý chất lượng nước trong Nuôi trồng thủy sản	Nguyễn Đình Trung	Nông nghiệp	2004		Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản
34	Thiết kế VAC cho mọi vùng	Phạm Văn Côn, Phạm Thị Hương	Nông Nghiệp	2002	5	Thiết kế mô hình VACR
35	Giáo trình mô đun Hướng dẫn sản xuất rau an toàn theo hướng Viet gap	Bộ NN và PTNT	Hà Nội	2010		GAP

#### 7.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo:

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	NXB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Chính trị 1
2	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Chính trị 2
3	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Chính trị 2



		tạo				
4	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị Quốc gia	2012		Pháp luật
5	- Luật bóng chuyền - Giảng dạy kỹ thuật bóng chuyền - Huấn luyện kỹ - chiến thuật Cầu lông hiện đại	Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn Nguyễn Hạc Thúy	- Đại học Sư phạm Thẻ dực thể thao	2004 1995 2001		Giáo dục thể chất 2
6	Luật Điền kinh		Thẻ dực thể thao	1997		Giáo dục thể chất 1
7	- English Knowhow 1 - Elementary - New Headway English Course, Elementary	Therese Naber & Angela Blackwell John and Liz Soars	Oxford University Press	2005 2007		Tiếng Anh 1, 2
8	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	TS. Tôn Thất Sơn, Lưu Hữu Mãnh	ĐH Cần Thơ	2006		Dinh dưỡng và TACN
9	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	PGS.TS Lê Đức Ngoan	ĐHNL Huế	2006		Dinh dưỡng và TACN
10	Sinh lý gia súc	PGS.TS Đàm Văn Tiện, Lê Văn Thọ	Nông Nghiệp	1992	5	Sinh lý gia súc
11	Giải phẫu sinh lý động vật nuôi	Nguyễn Thị Thành	Nông Nghiệp	2012		Sinh lý gia súc Giải phẫu gia súc
12	Giải phẫu gia súc	PGS.TS Hoàng Quân	Nông Lâm Huế	2002	5	Giải phẫu gia súc
13	Giải phẫu, sinh lý GS	TS. Nguyễn Nhung	Nông Nghiệp	2007	5	GPSL gia súc
14	Vi sinh vật đại cương	TS. Phạm Văn Kim	Đại Học Cần Thơ	2000	6	Vi sinh vật
15	Thống kê sinh học và phương pháp thí nghiệm	TS. Nguyễn Minh Hoàn	Nông Lâm Huế	2005	5	PP thí nghiệm nông nghiệp
16	Thống kê thí nghiệm	ThS. Nguyễn Thông	Đại Học Cần Thơ	2000	6	PP thí nghiệm nông nghiệp
17	Dược lý thú y	ThS. Huỳnh Kim Diệu	Đại Học Cần Thơ	2000	15	Thuốc thú y
18	Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng trong chăn nuôi	Bùi Thị Tho	Nông Nghiệp	2005	10	Thuốc thú y
19	Thuốc thú y và cách sử dụng	TS.BS Nguyễn Đức Lưu, Nguyễn Hữu Vũ	Nông Nghiệp	2000	15	Thuốc thú y
20	Ký sinh trùng gia súc	Bộ môn KST	Nông Nghiệp I	1998	15	Bệnh kí sinh trùng
21	Bệnh KST thú y	Phạm Lục	Nông Nghiệp I	2005	10	Bệnh kí sinh trùng
22	Bệnh Sản khoa	Lăng Ngọc Huỳnh	Nông Nghiệp I	2000	15	Bệnh N-N-S khoa



23	Ngoại khoa thú y	Huỳnh Văn Kháng	Nông Nghiệp I	2006	15	Bệnh N-N-S khoa
24	Các văn bản phòng chống dịch	Nhà nước ban hành	Nông Nghiệp	2005	10	Bệnh truyền nhiễm
26	Bệnh mới của lợn	Phạm Sỹ Lăng	Nông Nghiệp	2006	10	Bệnh truyền nhiễm Bệnh N-N-S khoa
27	Chọn giống và nhân giống gia súc	TS. Nguyễn Hải Quân	Đại Học Cần Thơ	2006	15	Chọn giống và nhân giống vật nuôi
28	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Võ Duy Giảng	Đại học Sư phạm	2007		Dinh dưỡng động vật Thức ăn chăn nuôi
29	Giống vật nuôi	PGS.TS. Đặng Vũ Bình	Nông Nghiệp	2006	15	Giống vật nuôi và kỹ thuật truyền giống gia súc;
30	Kỹ thuật tạo nguồn TA cho gia súc	Đào Huyền	Nông Nghiệp	2005	5	Dinh dưỡng và TACN
31	Chăn nuôi gia súc nhai lại	TS. Nguyễn Văn Thu	Đại Học Cần Thơ	2000	7	CN trâu bò CN dê, thỏ
32	Nuôi trâu bò gia đình	Tô Du	Nông Nghiệp	2001	10	CN trâu bò
33	Chăn nuôi trâu bò	Vũ Chí Cương	Nông Nghiệp	2004	5	CN trâu bò
35	Chăn nuôi gia cầm	PGS.TS Nguyễn Đức Hưng	Nông Nghiệp	2006	10	Chăn nuôi gia cầm
36	KT nuôi gà CN lông màu thả vườn và phòng trị bệnh	Lê Hồng Mận	Nông Nghiệp	2004	10	Chăn nuôi gia cầm
37	Kỹ thuật nuôi thỏ	Chu Thị Thom	Nông Nghiệp	2004	15	Chăn nuôi thỏ
38	Nuôi bò thịt	Lê Hồng Mận	Nông Nghiệp	2004	5	Chăn nuôi bò
39	Kiểm tra chất lượng thực phẩm	Phạm Xuân Vượng	Nông Nghiệp	2004	10	Bảo quản và chế biến nông sản
40	Thụ tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm	Nguyễn Tấn Anh	Nông Nghiệp	2004	10	Chọn và nhân giống vật nuôi
41	Pháp lệnh thú y	Huỳnh Văn Kháng	Nông Nghiệp	2006	15	Pháp lệnh nông nghiệp
42	Tổ chức quản lý ngành nông nghiệp	Nguyễn Văn Hòa	Nông Nghiệp	2000	5	Tổ chức quản lý nông trại
43	Kỹ thuật sản xuất giống cá nuôi	Nguyễn Tường Anh	Nông Nghiệp	1999	10	KT sản xuất và nuôi giáp xác
44	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	TS. Tôn Thất Sơn, Lưu Hữu Mãnh	ĐH Cần Thơ	2006		Dinh dưỡng và TACN
45	Chọn giống và nhân giống gia súc	TS. Dương Đình Hùng	Nông nghiệp I	2004		Chọn và nhân giống vật nuôi
46	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	TS. Tôn Thất Sơn, Lưu Hữu Mãnh	ĐH Cần Thơ	2006		Dinh dưỡng động vật Thức ăn chăn nuôi
47	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	PGS.TS Lê Đức Ngoan	ĐHNL Huế	2006		Dinh dưỡng động vật Thức ăn chăn nuôi
48	Giống vật nuôi	PGS.TS. Đặng Vũ	Nông Nghiệp	2006		Chọn và nhân giống vật nuôi



		Bình				
49	Kỹ thuật tạo nguồn TA cho gia súc	Đào Huyền	NXBNN	2005		Dinh dưỡng động vật Thức ăn chăn nuôi
50	Chăn nuôi trâu bò	TS. Nguyễn Văn Thu	ĐH CT	2000		CN trâu bò
51	Chăn nuôi trâu bò	Vũ Chí Cương	Nông Nghiệp	2004		CN trâu bò
52	Chăn nuôi lợn	Vũ Đình Tôn	Nông Nghiệp	2005		Chăn nuôi lợn
53	Kỹ thuật mới về CNL ở nông hộ, trang trại và phòng trị bệnh	Lê Đình Mận	Nông Nghiệp	2005		Chăn nuôi lợn
54	Chăn nuôi gia cầm	PGS.TS Nguyễn Đức Hưng	Nông Nghiệp	2006		Chăn nuôi gia cầm
55	Chăn nuôi gia cầm	Dương Thanh Liêm	Nông Nghiệp	2005		Chăn nuôi gia cầm
57	Cầm nang CNGS-GC	Hội CN Việt Nam	Nông Nghiệp	2004		Chăn nuôi gia cầm
58	Chăn nuôi dê	TS. Hồ Quảng Đồ	ĐHCT	2000		Chăn nuôi dê
59	Kỹ thuật chăn nuôi dê	Đình Văn Bình	Nông Nghiệp	2004	15	Chăn nuôi dê
60	Hướng dẫn KTCN dê	Lê Quang Sứ	Nông Nghiệp	2004	10	Chăn nuôi dê
61	Kỹ thuật nuôi thỏ	Chu Thị Thơm	Nông Nghiệp	2004	15	Chăn nuôi thỏ
62	Kỹ thuật chăm sóc thỏ	Hoàng T. Xuân Mai	Nông Nghiệp	2005	10	Chăn nuôi thỏ
63	Nuôi bò thịt	Lê Hồng Mận	Nông Nghiệp	2004	5	Chăn nuôi bò
65	Kiểm tra chất lượng thực phẩm	Phạm Xuân Vượng	Nông Nghiệp	2004	10	Bảo quản và chế biến nông sản
66	Thụ tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm	Nguyễn Tấn Anh	Nông Nghiệp	2004	10	Chọn và nhân giống vật nuôi
67	Pháp lệnh thú y và kiểm nghiệm SPCN	Ngô Thị Hòa	Nông Nghiệp	2006	5	Luật thú y
68	Công nghệ chăn nuôi	Đặng Vũ Bình	Nông Nghiệp	2006	3	Bảo quản và chế biến nông sản
69	Công nghệ cấy truyền phôi gia súc	PGS.TS Hoàng Kim Giao	Khoa học kỹ thuật	2004	3	Chọn và nhân giống vật nuôi
70	Kỹ thuật nuôi thủy sản nước lợ	Nguyễn Anh Tuấn; Nguyễn Thanh Phương	Nông Nghiệp	2000	15	KT sản xuất và nuôi giáp xác
71	Giải phẫu gia súc	PGS.TS Hoàng Quân	ĐHNL Huế	2002	5	Giải phẫu gia súc
72	Giải phẫu, sinh lý GS	TS. Nguyễn Nhung	Nông Nghiệp	2007	5	GPSL gia súc
73	Vi sinh vật thú y	Trần Thị Bích Liên, Lê Anh Phụng	ĐH NL TP Hồ Chí Minh	2001	10	VSV đại cương
74	Vi sinh vật đại cương	TS. Phạm Văn Kim	ĐHCần Thơ	2000	6	Vi sinh vật đại cương
75	Thống kê sinh học và phương pháp thí nghiệm	TS. Nguyễn Minh Hoàn	ĐHNL Huế	2005	5	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi

76	Thống kê thí nghiệm	ThS.Nguyễn Thông	ĐHCần Thơ	2000	6	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi
77	Dược thú y	Trần Văn Thuận	ĐHNLTPHCM	1997	5	Thuốc thú y
78	Thuốc điều trị và vaccine	Phạm Sỹ Lăng, Lê Thị Tài	NXBNN	1994	15	Thuốc thú y
79	Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng trong chăn nuôi	Bùi Thị Tho	NXBNN	2005	10	Dược lý thú y
80	Ký sinh trùng gia súc	Bộ môn KST	ĐHNN I	1998	15	Bệnh kí sinh trùng
81	Bệnh Sản khoa	LăngNgọcHuỳnh	ĐHCT	2000	15	Bệnh N-N-S khoa
82	Ngoại khoa thú y	HuỳnhVănKháng	ĐHCT	2006	15	Bệnh N-N-S khoa
83	Dịch tễ học	TS. Trần Thị Dân	NXBNN	2005	10	Bệnh truyền nhiễm
84	Cầm nang CNGS-GC	Hội CN Việt Nam	NXBNN	2004	20	Chăn nuôi gia cầm
85	Chăn nuôi dê	TS. Hồ Quảng Đồ	ĐHCT	2000	10	Chăn nuôi dê
86	Kỹ thuật chăn nuôi dê	Đình Văn Bình	NXBNN	2004	15	Chăn nuôi dê
87	Kỹ thuật nuôi thỏ	Chu Thị Thơm	NXBNN	2004	15	Chăn nuôi thỏ



## **8. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

### **8.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi thú y, trình độ cao đẳng được soạn thảo theo Thông tư số 03/2017/BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội "Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng".

- Chương trình có tổng số 104 tín chỉ, đào tạo trong 2,5 năm; được phân bố trong 5 học kỳ.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng có tính chất định hướng (dự kiến), thứ tự đó có thể thay đổi được nếu không vi phạm các yêu cầu đã đề xuất và điều kiện tiên quyết trong chương trình chi tiết. Trên cơ sở khung thời gian, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ do nhà trường quy định, sinh viên sẽ đăng ký học các học phần bắt buộc và tự chọn riêng cho mình, xây dựng cho mình một kế hoạch học tập theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

- Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình được thực hiện theo Quyết định số 480/QĐ-ĐHPY ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy ngoài sự phạm theo hệ thống tín chỉ.

### **8.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học.**

Thời gian tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, môn đôn được thực hiện theo kế hoạch chung của toàn trường đối với mỗi học kỳ cụ thể.

### **8.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp**

Chương trình được đào tạo theo phương thức tích lũy tích lũy tín chỉ:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ 104 tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và kết quả xét công nhận tốt nghiệp để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo quy định của nhà trường. ✓



**TS. Nguyễn Định**